

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CƠ SỞ HẠ TẦNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc

2 - 4

Báo cáo kiểm toán

5

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

6 - 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9

Thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/3/2003, thay đổi lần thứ hai ngày 03/03/2008 và thay đổi lần thứ ba ngày 11/12/2008.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 9,023% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông khác: 9.843.680.000 đồng (*Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 90,977% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Duy Hải	Chủ tịch
Ông Lê Trực	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Huy	Ủy viên
Ông Hoàng Cảnh	Ủy viên
Ông Trần Hải Nguyên Long	Ủy viên

Ban Giám đốc:

Ông Trần Duy Hải	Giám đốc
Ông Vũ Xuân Huy	Phó Giám đốc thường trực
Ông Trần Hải Nguyên Long	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- o Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- o Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- o Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- o Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

8. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Giám đốc

Trần Duy Hải

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2008
của Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC), đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (sau đây viết tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 18.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huế
Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.642.348.820	11.228.152.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.358.155.231	3.106.774.760
1. Tiền	111	V.01	1.358.155.231	3.106.774.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2.000.000.000	450.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	450.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.436.101.541	6.461.986.745
1. Phải thu khách hàng	131		1.692.157.000	4.799.081.238
2. Trả trước cho người bán	132		643.517.875	1.503.936.097
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	100.426.666	158.969.410
IV. Hàng tồn kho	140		848.092.048	1.209.391.103
1. Hàng tồn kho	141	V.04	848.092.048	1.209.391.103
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.908.429.895	12.518.333.999
II. Tài sản cố định	220		13.476.851.354	10.316.912.098
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	13.476.851.354	8.979.616.765
- Nguyên giá	222		18.858.047.223	13.227.087.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.381.195.869)	(4.247.470.645)
4. Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	0	1.337.295.333
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	2.075.397.729	2.122.565.859
- Nguyên giá	241		2.122.565.859	2.122.565.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(47.168.130)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		356.180.812	78.856.042
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	356.180.812	78.856.042
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		23.550.778.715	23.746.486.607

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	17.244.367.305	13.015.362.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.27	17.244.367.305	13.015.362.211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	14.702.626.913	11.258.474.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.541.740.392	1.756.887.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	277.733.224	66.810.826
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	105.374.628	301.541.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105.374.628	300.168.417
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		951.665.499	788.902.967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.762.433.489	733.253.757
11. Thu nhập khác	31		0	720.000
12. Chi phí khác	32		156.459	9.800.000
13. Lợi nhuận khác	40		(156.459)	(9.080.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.762.277.030	724.173.757
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	456.429.751	101.384.326
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.305.847.279	622.789.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.207	1.151

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Bích Phượng

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.344.611.006	19.322.853.159
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(20.455.318.326)	(2.219.131.991)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(888.301.345)	(633.723.215)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(105.374.628)	(296.190.275)
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(255.065.618)	(164.847.541)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.307.873.350	585.314.783
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(61.670.688)	(13.112.361.589)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.886.753.751	3.481.913.331
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xd TSCĐ và các TSDH khác	21		(112.470.113)	(80.460.552)
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.480.173.333)	(1.200.000.000)
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		11.930.173.333	750.000.000
7	Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		188.833.224	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.473.636.889)	(530.460.552)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		1.738.400.000	100.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.686.756.191)	(1.062.431.378)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.213.380.200)	(738.243.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.161.736.391)	(1.700.674.378)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(748.619.529)	1.250.778.401
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.106.774.760	1.855.996.359
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.358.155.231	3.106.774.760

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Bích Phượng

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/3/2003, thay đổi lần thứ hai ngày 03/3/2008 và thay đổi lần thứ ba ngày 11/12/2008.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (*Mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 9,023% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông khác: 9.843.680.000 đồng (*Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 90,977% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn đáo hạn nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng kể từ ngày Công ty đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;
Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ này.

Cơ sở ghi nhận các khoản trích trước dựa vào khối lượng công việc tương ứng đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ và đơn giá giao khoán trong các hợp đồng giao khoán nội bộ liên quan.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Năm tài chính 2008, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Quý IV theo quy định tại Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>01/01/2008</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	86.213.885	38.192.842
Tiền gửi ngân hàng	1.271.941.346	3.068.581.918
Cộng	1.358.155.231	3.106.774.760

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>01/01/2008</u> VND
Đầu tư ngắn hạn khác	2.000.000.000	450.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	0	450.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.000.000.000	0
Cộng	2.000.000.000	450.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>01/01/2008</u> VND
Phải thu Xí nghiệp xây dựng số 2	0	144.994.410
Lãi tài khoản ký quỹ	0	13.975.000
Lãi vay phải thu Ông Trần Duy Hải	11.526.666	0
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.900.000	0
Cộng	100.426.666	158.969.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho:

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Công cụ, dụng cụ	0	8.764.110
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	848.092.048	1.200.626.993
Cộng	848.092.048	1.209.391.103

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	10.218.209.048	2.333.771.660	546.086.571	129.020.131	13.227.087.410
Tăng trong năm	5.035.277.392	44.600.000	551.082.421	0	5.630.959.813
Số dư cuối năm	15.253.486.440	2.378.371.660	1.097.168.992	129.020.131	18.858.047.223
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.077.905.393	605.656.309	464.174.493	99.734.450	4.247.470.645
Khấu hao trong năm	823.386.982	138.649.182	154.746.341	16.942.714	1.133.725.219
Số dư cuối năm	3.901.292.375	744.305.495	618.920.834	116.677.165	5.381.195.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	7.140.303.655	1.728.115.351	81.912.078	29.285.681	8.979.616.765
Tại ngày cuối năm	11.352.194.065	1.634.066.165	478.248.158	12.342.967	13.476.851.354

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.181.257 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Xưởng sản xuất số 3 - Nhà máy thép tiền chế	0	1.337.295.333
Cộng	0	1.337.295.333

12- Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	0	2.122.565.859	2.122.565.859
Số dư cuối năm (*)	0	2.122.565.859	2.122.565.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	0	0	0
Khấu hao trong năm	0	47.168.130	47.168.130
Số dư cuối năm	0	47.168.130	47.168.130
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	0	2.075.397.729	2.075.397.729
Tại ngày cuối năm	0	2.075.397.729	2.075.397.729

(*) Đây là khu nhà điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm tại Khu công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng, được chuyển sang bất động sản đầu tư theo Quyết định 02/QĐ ngày 10/10/2007 của Hội đồng quản trị nhằm mục đích bán hoặc cho thuê kể từ ngày 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	27.701.284	78.856.042
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	328.479.528	0
Cộng	356.180.812	78.856.042

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	558.766.790	28.157.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.748.458	17.384.325
Cộng	777.515.248	45.541.599

17. Chi phí phải trả:

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay dài hạn phải trả	0	70.728.706
Chi phí phải trả khác	123.144.710	159.536.311
Cộng	123.144.710	230.265.017

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.801.332
Phải trả khác	65.350.499	1.140.058.770
Cộng	65.350.499	1.141.860.102

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn của ông Trần Duy Hải	51.643.809	5.535.290.000
Cộng	51.643.809	5.535.290.000

22. Nguồn vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.410.000.000	0	54.755.669	125.111.000	0	880.828.426	6.470.695.095
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	622.789.431	622.789.431
Tăng khác	0	0	0	30.000.000	9.000.000	0	39.000.000
Giảm khác	0	0	0	0	(9.000.000)	(957.042.801)	(966.042.801)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	5.410.000.000	0	54.755.669	155.111.000	0	546.575.056	6.166.441.725
Tăng vốn trong năm	5.410.000.000	2.705.242.440	0	0	0	0	8.115.242.440
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	1.305.847.280	1.305.847.280
Tăng khác	0	0	0	63.000.000	0	0	63.000.000
Giảm khác	0	0	0	0	0	(706.000.000)	(706.000.000)
Số dư cuối năm nay	10.820.000.000	2.705.242.440	54.755.669	218.111.000	0	1.146.422.336	14.944.531.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn góp của Nhà nước	976.320.000	488.160.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	4.921.840.000
Cộng	10.820.000.000	5.410.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.410.000.000	5.410.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	5.410.000.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	10.820.000.000	5.410.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.213.380.200	738.243.000

d. Cổ tức:

Kết thúc năm tài chính 2008, Công ty chưa xác định mức chia cổ tức.

đ. Cổ phiếu:

	31/12/2008 (cổ phần)	01/01/2008 (cổ phần)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	541.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.082.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	541.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- <i>Mệnh giá cổ phiếu tại đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần</i>		

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	218.111.000	155.111.000
Cộng	272.866.669	209.866.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

e. Các quỹ của doanh nghiệp (tiếp theo):

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.302.294.355	12.039.774.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.942.072.950	975.588.000
Cộng	17.244.367.305	13.015.362.211

28. Giá vốn hàng bán:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	14.049.720.276	10.465.882.249
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	652.906.635	792.592.447
Cộng	14.702.626.913	11.258.474.696

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	277.733.224	66.710.201
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	100.625
Cộng	277.733.224	66.810.826

30. Chi phí tài chính:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	105.374.628	300.168.417
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	1.373.200
Cộng	105.374.628	301.541.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	<u>Năm 2008</u> VND	<u>Năm 2007</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	456.429.751	101.384.326
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	456.429.751	101.384.326

Công ty đã giảm 30% chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Quý IV/2008 theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, giá trị là 37.007.818 VND. Cụ thể:

		<u>Số tiền</u> VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	1.762.277.030
Chi phí thuế thu nhập hiện hành cả năm 2008	(2)=(1)*28%	493.437.568
Chi phí thuế thu nhập hiện hành của Quý IV/2008	(3)=(2)/4	123.359.392
Giảm 30% thuế TNDN Quý IV/2008	(4)= (3)*30%	37.007.818
Số thuế TNDN còn phải nộp	(5)=(2)-(4)	456.429.751

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

5- Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh đầu kỳ và năm tài chính trước được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh).

6- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Bích Phượng

Trương Trọng Tín

Trần Duy Hải